Chi tiết mã HS 5206.11.00

Mã HS	5206.11.00
Mô tả hàng hóa	Sợi bông (trừ chỉ khâu), có hàm lượng bông chiếm dưới 85% tính theo khối lượng, chưa đóng gói để bán lẻ / - Sợi đơn, làm từ xơ không chải kỹ: / - - Sợi có độ mảnh từ 714,29 decitex trở lên (chi số mét không quá 14)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	11/11/2026 09:42:07
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/52061100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K8084
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N8084
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q8084
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục D)	3,4	3,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AC!E7683
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7636
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7636
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7636
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7636
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7636
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7636
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7686
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7686

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7686
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7686
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7686
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7686
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7687
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7687
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7687
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7687
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7687
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7687
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7688
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7642
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F7650
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G7650
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H7650
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I7650
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J7650
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K7650
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7672
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7672
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7672
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7672
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7672
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7672
VCFTA	2022	2022	0	VC!D7718
VCFTA	2023	2023	0	VC!E7718

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7718
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7718
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7718
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7718
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7698
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7698
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7698
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7698
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7698
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7698
AHKFTA	2022	2022	5	AKH!D7711
AHKFTA	2023	2023	5	AKH!E7711
AHKFTA	2024	2024	5	AKH!F7711
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G7711
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H7711
AHKFTA	2027	2027	5	AKH!I7711
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7715
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7715
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7715
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7715
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7715
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7715
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7716
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7716
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7716
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7716

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7716
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7716
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7666
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7666
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7666
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7666
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7666
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7666
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7666
RCEP A	2022	2022	4,7	RCEPT-A!D7703
RCEP A	2023	2023	4,3	RCEPT-A!E7703
RCEP A	2024	2024	4	RCEPT-A!F7703
RCEP A	2025	2025	3,7	RCEPT-A!G7703
RCEP A	2026	2026	3,3	RCEPT-A!H7703
RCEP A	2027	2027	3	RCEPT-A!I7703
RCEP B	2022	2022	4,7	B!D7703
RCEP B	2023	2023	4,3	B!E7703
RCEP B	2024	2024	4	B!F7703
RCEP B	2025	2025	3,7	B!G7703
RCEP B	2026	2026	3,3	B!H7703
RCEP B	2027	2027	3	B!I7703
RCEP C	2022	2022	5	C!D7703
RCEP C	2023	2023	5	C!E7703
RCEP C	2024	2024	5	C!F7703
RCEP C	2025	2025	5	C!G7703
RCEP C	2026	2026	5	C!H7703

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	5	C!I7703
RCEP D	2022	2022	4,7	D!D7703
RCEP D	2023	2023	4,4	D!E7703
RCEP D	2024	2024	4,1	D!F7703
RCEP D	2025	2025	3,8	D!G7703
RCEP D	2026	2026	3,4	D!H7703
RCEP D	2027	2027	3,1	D!I7703
RCEP E	2022	2022	4,7	E!D7706
RCEP E	2023	2023	4,3	E!E7706
RCEP E	2024	2024	4	E!F7706
RCEP E	2025	2025	3,7	E!G7706
RCEP E	2026	2026	3,3	E!H7706
RCEP E	2027	2027	3	E!I7706
RCEP F	2022	2022	4,7	F!D7703
RCEP F	2023	2023	4,3	F!E7703
RCEP F	2024	2024	4	F!F7703
RCEP F	2025	2025	3,7	F!G7703
RCEP F	2026	2026	3,3	F!H7703
RCEP F	2027	2027	3	F!I7703
VIFTA	2024	2024	4,3	VI!F7109
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G7109
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H7109
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I7109

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	ACFTA 5%, AHKFTA 5%, AIFTA 5%, RCEP (Phụ lục C) 5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (5%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 5%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5206.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 5206.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N8084), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.